



ĐỘ TUỔI 18 - 24 THÁNG TUỔI

(Kèm theo kế hoạch số 216 /KH-MNQL ngày 22/8/2025 của trường mầm non Quảng Long)

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
* Tổ chức ăn	
- MT CS01: Trẻ có chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 930 - 1000 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal.</i>
- MT CS02: Trẻ có số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi (02 bữa chính, 01 bữa phụ)	- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.
- MT CS03: Trẻ được ăn theo đúng thực đơn theo mùa, ngày, tuần phù hợp với địa phương	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa
- MT CS04: Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định (0,8lít - 1,6lít)	- Nước uống: khoảng 0,8 lít - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
* Tổ chức ngủ	
-MT CS05: Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa khoảng 150 phút	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
* Vệ sinh	
- MT CS06: Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Vệ sinh cá nhân.
- MT CS07: Môi trường lớp học, đồ dùng, đồ chơi, được vệ sinh đảm bảo; Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải,	- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
* Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
- MT CS08: Trẻ được chăm sóc và khám sức khỏe định kỳ.	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm; theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi.

	+ Phối hợp với trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm (tháng 9 và tháng 3). + Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 3 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì : xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, tổ chức cân đo 1 tháng/lần đối với trẻ SDD, béo phì
- MT CS09: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và được theo dõi tiêm chủng; được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp:	- Phòng tránh các bệnh thường gặp sởi, thủy đậu, đau mắt ... Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
MT CS10: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 8,8 - 15,5 kg + Trẻ gái 8,2 - 14,8 kg - Chiều cao + Trẻ trai: 77,0 - 97,0 cm + Trẻ gái: 75,0 - 95,0 cm	+ Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi. + Khám sức khỏe định kỳ theo qui định. + Cân đo theo định kỳ. + Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
<i>Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>	
MT01: Bắt trước một số động tác theo cô: giơ tay cao, đưa về phía trước- sang ngang	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.
<i>Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</i>	
MT02: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	+ Đi theo hướng thẳng. + Đi theo hiệu lệnh. + Đi bước qua vật cản. + Đi có mang vật trên tay + Đi trong đường hẹp

MT03: Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	+ Bước lên xuống bậc thang + Ngồi lăn bóng. + Lăn bóng bằng hai tay + Đứng ném, tung bóng. + Bắt bóng với cô
MT04: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	+ Bò tới đích + Bò qua vật cản + Bò chui qua cổng + Bò trong đường hẹp + Bò có mang vật trên lưng + Trườn theo hướng thẳng + Bò chui dưới dây
MT05: Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	+ Ném bằng 1 tay về phía trước + Ném qua dây + Ném bóng vào đích + Đá bóng lên phía trước
Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
MT06: Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.
MT07: Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.
* GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT08: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.
MT09: Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Trẻ biết báo hiệu (gọi, ra hiệu bằng lời nói hoặc cử chỉ) với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.
MT10: Trẻ có thể biết một số thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày.	+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT11: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.

ăn, cầm cốc uống nước).	- Làm quen với rửa tay, lau mặt.
<i>Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i>	
MT12: Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	- Trẻ làm quen, nhận biết một số vật dụng, khu vực nguy hiểm thường gặp (phích nước, bếp, bàn là...). - Dạy trẻ hiểu và phản ứng khi nghe nhắc nhở của người lớn: dừng lại, tránh xa. - Tập cho trẻ thói quen nghe lời người lớn để đảm bảo an toàn.
MT13: Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. + Trẻ làm quen và nhận biết một số hành động nguy hiểm thường gặp (sờ ổ điện, trèo lên bàn ghế, nghịch dao kéo...). + Trẻ hiểu lời nhắc nhở ngăn gọn của người lớn (ví dụ: “Không!”, “Nguy hiểm!”, “Xuống ngay!”). + Hình thành phản xạ tránh xa, dừng lại khi được người lớn cảnh báo.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
<i>Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</i>	
MT14: Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. + Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh + Sờ nắn, lắc gõ đồ chơi và nghe âm thanh + Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi + Nếm vị của một số quả, thức ăn.
<i>Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</i>	
MT15: Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	+ Cho trẻ làm quen và quan sát những hành động sinh hoạt hằng ngày quen thuộc của người thân (vẫy tay chào, cầm thìa xúc cơm, chải tóc, cầm cốc uống nước...). + Khuyến khích trẻ bắt chước lại hành động đơn giản thông qua chơi giả vờ, hoạt động cùng cô và bạn. + Dạy trẻ sử dụng một số cử chỉ, động tác đơn giản phù hợp tình huống (đội mũ, rửa tay, lau mặt...).

MT16: Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Trẻ làm quen và nhận biết tên gọi của bản thân qua các tình huống hằng ngày (cô gọi tên, cha mẹ gọi tên). - Trẻ nhận biết và chỉ/nói tên một số người gần gũi xung quanh: bố, mẹ, ông, bà, cô giáo, bạn bè... - Khuyến khích trẻ phản ứng khi được hỏi: “Con tên gì?”, “Đây là ai?”.
MT17: Trẻ Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Trẻ làm quen, nhận biết, gọi tên một số bộ phận cơ thể quen thuộc và dễ thấy: đầu, mắt, mũi, miệng, tay, chân... - Trẻ chỉ vào bộ phận cơ thể của mình hoặc của người khác khi nghe câu hỏi: “Mắt đâu?”, “Tay đâu?”. - Khuyến khích trẻ nói tên bộ phận cơ thể kết hợp chỉ tay.
MT18: Trẻ chỉ/ lấy nói tên đồ dùng, đồ chơi quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Trẻ làm quen, nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: cốc, thìa, bát, bóng, búp bê, ô tô, ghế... - Trẻ chỉ, lấy đúng đồ dùng hoặc đồ chơi khi người lớn yêu cầu: “Lấy quả bóng”, “Chỉ cái cốc”. - Nói được tên, đặc điểm nổi bật đồ dùng, đồ chơi quen thuộc..
MT19: Trẻ có thể nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông gần gũi.	- Trẻ làm quen và gọi tên một số phương tiện giao thông gần gũi: xe đạp, xe máy, ô tô, tàu hỏa... - Trẻ nói được đặc điểm nổi bật, dễ nhận thấy của từng phương tiện, ví dụ: + Xe đạp: có 2 bánh, đi bằng chân đạp. + Ô tô: có 4 bánh, chở được nhiều người. + Xe máy: chạy nhanh, có tiếng kêu “bim bim”. + Tàu hỏa: chạy trên đường ray, dài, chở nhiều khách. - Trẻ biết nghe và trả lời câu hỏi ngắn: “Đây là xe gì?”, “Xe có mấy bánh?”.
MT20: Trẻ chỉ/ lấy nói tên cây, rau, hoa, quả quen thuộc.	- Trẻ làm quen và nhận biết tên gọi và một vài đặc điểm nổi bật một số loại cây, rau, hoa, quả gần gũi trong đời sống hằng ngày (ví dụ: cây chuối, cây cam; rau cải, rau muống; hoa hồng, hoa cúc; quả cam, quả chuối, quả táo...). - Trẻ chỉ đúng hoặc lấy đúng cây, rau, hoa, quả theo yêu cầu của người lớn: “Chỉ quả cam”, “Lấy cho cô bông hoa hồng”.

	- Khuyến khích trẻ nói tên các loại cây, rau, hoa, quả quen thuộc khi nhìn thấy hoặc khi được hỏi: “Đây là gì?”.
MT21: Trẻ chỉ/ lấy nói tên của con vật quen thuộc	- Trẻ làm quen, nhận biết tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc, gần gũi: mèo, chó, gà, vịt, cá... - Trẻ chỉ hoặc lấy đúng con vật theo yêu cầu của người lớn: “Chỉ con mèo”, “Lấy con gà cho cô” - Khuyến khích trẻ nói tên con vật khi được hỏi: “Đây là con gì?”.
MT22 Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu.	- Trẻ làm quen và nhận biết hai màu cơ bản: đỏ, xanh qua đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Trẻ chỉ hoặc lấy đúng đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh khi được người lớn yêu cầu: “Lấy quả bóng màu đỏ”, “Chỉ cái ô tô màu xanh”.
MT23: Trẻ có thể chỉ hoặc lấy đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Trẻ làm quen, nhận biết sự khác nhau về kích thước: to - nhỏ qua các đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (bóng to - bóng nhỏ, búp bê to - búp bê nhỏ, ô tô to - ô tô nhỏ...). - Trẻ chỉ hoặc lấy đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu của người lớn: “Lấy quả bóng to”, “Chỉ con gấu nhỏ”.
MT 24(PTCT): Trẻ có thể nhận biết và cảm nhận được không khí của ngày tết qua hoạt động hướng dẫn của cô.	+ Trẻ gọi tên Tết nguyên đán, biết tên một số loại quả, bánh, kẹo trong ngày tết
MT 25 (PTCT): Trẻ có thể nói được tên các mùa xuân, mùa hè và một vài đặc điểm nổi bật của thời tiết theo mùa	+ Trẻ gọi tên mùa xuân, mùa hè. + Nói đặc điểm thời tiết theo mùa: Mùa hè nóng, mùa xuân ấm áp... - Nói tên trang phục: Áo ngắn tay, áo dài tay, quần đùi, quần dài, váy, áo len, mũ len, ...
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
<i>Nghe hiểu lời nói</i>	
MT26: Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	+ Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. + Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. + Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.
MT27: Trẻ Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...	- Trẻ hiểu và phản ứng phù hợp khi nghe từ “không” trong lời nhắc nhở của người lớn. - Biết dừng lại hoặc tránh xa khi đang có hành động không an toàn (lấy đồ, sờ vào vật nguy

	hiêm...)). - Hình thành thói quen nghe lời nhắc nhở ngắn gọn của người lớn để đảm bảo an toàn. - Bước đầu nhận biết “không” là dấu hiệu cảnh báo, ngăn cấm để trẻ tự điều chỉnh hành vi.
MT28: Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	- Trẻ hiểu và phản ứng với các câu hỏi đơn giản, quen thuộc của người lớn. - Biết chỉ hoặc nói tên người thân, đồ vật, con vật, đồ chơi... khi được hỏi. - Trả lời được bằng từ đơn hoặc câu ngắn (ví dụ: “mẹ”, “bố”, “con gà”, “quả bóng”).
<i>Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</i>	
MT29: Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì?
MT30: Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Trẻ nghe và ghi nhớ một số bài thơ quen thuộc, ngắn gọn, có nhịp điệu rõ ràng. - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. + Nghe cô đọc đến gần hết câu thơ, trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối (ví dụ: cô đọc: “Con mèo kêu meo...”, trẻ đọc tiếp: “meo”). - Trẻ hứng thú tham gia cùng cô và bạn trong hoạt động đọc thơ.
<i>Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</i>	
MT31: Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	- Ghép được 2–3 tiếng thành câu đơn giản để diễn đạt nhu cầu, hành động hoặc sự vật quen thuộc. - Biết dùng câu ngắn để thể hiện mong muốn: “con uống nước”, “ăn cơm”, “đi chơi”. - Bắt chước câu mẫu từ người lớn và lặp lại trong giao tiếp hằng ngày.
MT32: Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản. + Chủ động nói ra khi cần người lớn đáp ứng thay vì chỉ khóc hoặc ra hiệu. + Tập cho trẻ sử dụng câu mẫu đơn giản: “con muốn...”, “cháu uống...”, “cháu ăn...”.
MT33: Trẻ có khả năng biết làm	Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật,

quen với sách	sự vật trong tranh.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	
<i>Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</i>	
MT34: Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận ra hình ảnh của mình trong gương - Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân. Khi được hỏi
MT35: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Thể hiện sự giao tiếp với người thân, cô giáo, bạn bè qua cử chỉ (vẫy tay, ôm, đưa đồ chơi...) và lời nói đơn giản (gọi “mẹ”, “cô ơi”, “bạn ơi”...). - Đáp lại lời gọi, câu hỏi hoặc hành động giao tiếp của người lớn và bạn bè. - Thể hiện niềm vui, sự hào hứng khi được trò chuyện, chơi cùng người khác.
MT36: Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh. - Nhận biết và biểu lộ cảm xúc cơ bản (vui, buồn, sợ hãi) qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ hoặc lời nói. - Chia sẻ cảm xúc với người thân, cô giáo, bạn bè bằng cách nói đơn giản (“con sợ”, “con vui”, “không thích”...). - Có phản ứng phù hợp khi trải qua cảm xúc: cười khi vui, khóc khi buồn, nép vào người lớn khi sợ hãi...
MT37: Trẻ Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi, bắt chước tiếng kêu, đang đi...
<i>Thực hiện hành vi xã hội đơn giản</i>	
MT38: Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, Nói từ “ạ”, “dạ”.
MT39: Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Quan sát và bắt chước được một số hành vi xã hội quen thuộc trong đời sống hằng ngày (bế em bé, cho ăn, quét nhà, nghe điện thoại...). - Thể hiện hành vi thông qua trò chơi giả vờ với đồ vật, đồ chơi (búp bê, điện thoại đồ chơi, cốc chén...). - Sử dụng lời nói hoặc âm thanh đơn giản để gắn với hành động (ví dụ: “alo”, “ăn cơm nhé”).
MT40: Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Trẻ nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu quen thuộc, đơn giản (ví dụ: “lại đây”,

	“ngồi xuống”, “vẫy tay chào”, “đưa cho cô cái bóng”, “cất đồ chơi vào hộp”...). - Làm theo lời nhắc của người lớn trong sinh hoạt hằng ngày (rửa tay, lấy dép, cất cốc...). - Bước đầu hình thành thói quen nghe - hiểu - thực hiện trong giao tiếp và hoạt động.
<i>Thể hiện cảm xúc qua bài hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</i>	
MT41: Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT42: Thích vẽ, xem tranh.	- Trẻ hứng thú với hoạt động vẽ: Tập cầm bút vẽ, nguệch ngoạc trên giấy, tường bảng theo ý thích. - Biết xem tranh, chỉ tay hoặc gọi tên một số hình ảnh quen thuộc trong tranh (con vật, đồ vật, người thân...).
<i>MT43(PTCT): Trẻ có khả năng dán các hình ảnh tạo thành sản phẩm</i>	<i>- Bôi keo và dán các hình ảnh thành sản phẩm</i>
<i>MT44(PTCT): Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh, ảnh</i>	<i>+ Nhận biết, gọi tên Bác Hồ qua tranh, ảnh</i>

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Những sự kiện lớn
1	Bé và các bạn	3	Từ ngày 08/9/2025 đến 26/9/2025	
2	Đồ chơi của bé	4	Từ ngày 29/9/2025 đến 24/10/2025	Tết trung thu 15/8 (âm lịch) Ngày thành lập hội LHPNVN 20/10
3	Các cô, các bác trong trường Mầm non	4	Từ ngày 27/10/2025 đến 21/11/2025	- Sự kiện: Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
4	Cây và những bông hoa đẹp	4	Từ ngày 24/11/2025 đến 19/12/2025	

5	Mẹ và những người thân yêu của bé	3	Từ ngày 22/12/2025 đến 09/01/2026	- Sự kiện: Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12 - Nghỉ tết dương lịch 01/1
6	Những con vật đáng yêu	4	Từ ngày 12/01/2026 đến 06/02/2026	
7	Ngày Tết và mùa xuân	3	Từ ngày 09/02/2026 đến 13/03/2026	Nghỉ tết Nguyên Đán từ 16/2 đến hết 28/02 Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Bé đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông	4	Từ ngày 16/03/2026 đến 10/04/2026	
9	Mùa hè đến rồi	4	Từ ngày 13/4/ 2026 đến 08/5/2026	Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (âm lịch) Nghỉ 30/4-1/5
10	Vui tết thiếu nhi	2	Từ ngày 11/05/2026 đến 22/05/2026	Ngày sinh nhật Bác 19/05

Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026
Kết thúc chương trình: 22/5/2026

